TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-PT
Ngày: 17-6-2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Văn Phúc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 521/TB-PT ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1987; cư trú tại số 1304A đường HV, tổ dân phố 19, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974; cư trú tại số 56 đường PNL, tổ 15, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 153 quyển số 01/2018/SCT/CK,ĐC do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện X chứng thực ngày 05/3/2018); vắng mặt.

Bị đơn: Bà Ka H1, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn Y, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ka D, sinh năm: 1960; cư trú tại số 34/3 thôn Z, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972; cư trú tại số 272 đường BTX, Phường E, thành phố F, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 914 quyển số 04 SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng VT chứng thực ngày 08/10/2018); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Ka D - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/3/2018 của ông Phạm Văn H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Đinh Văn S, người đại diện theo ủy quyền của ông H, thì:

Vào ngày 13 tháng 2 năm 2017 ông Phạm Văn H có cho bà Ka H1 vay số tiền là 70.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay là 01 tháng.

Khi bà Ka H1 vay tiền có bà Ka D là người đứng ra bảo lãnh và cam kết nếu bà Ka H1 không trả các khoản nợ trên cho ông H thì bà Ka D có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Văn H thay cho bà Ka H1, bà Ka H1 có giao cho ông H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Ka H1 chưa thanh toán cho ông H đồng tiền lãi và tiền gốc nào mặc dù đã yêu cầu rất nhiều lần. Nay ông H yêu cầu bà Ka H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn H số tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 12/2/2017 đến ngày 13/3/2017 theo mức lãi suất 1,5%/tháng thành tiền 1.050.000đ, lãi quá hạn từ 14/3/2017 đến 05/11/2018 theo mức lãi suất 2,25%/tháng là 30.870.000đ. Nếu bà Ka H1 không thanh toán thì bà Ka D phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Ka H1. Yêu cầu giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016 để đảm bảo thi hành án.

- Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Ka H1 đến Tòa án để làm việc nhưng đều vắng mặt; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã cùng với chính quyền địa phương đã đến tận nhà bà Ka H1 để làm việc tuy nhiên không ghi lời khai được.

- Theo lời trình bày của bà Ka D và ông Lê Cao T, người đại diện theo ủy quyền của bà Ka D, thì việc vay tiền giữa bà Ka H1 với ông Phạm Văn H thì bà Ka D không biết. Bà Ka D không biết ông Phạm Văn H thỏa thuận cho bà Ka

H1 vay số tiền bao nhiêu. Tuy nhiên bà Ka D có giao cho bà Ka H1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016 để cho bà Ka H1 làm thủ tục thừa kế từ bố mẹ bà Ka D cho bà Ka D. Tuy nhiên sau khi làm xong thì bà Ka H1 giữ lại luôn không trả lại cho bà Ka D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Bà Ka D không biết việc bà Ka H1 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà cho ông H và bà cũng không thỏa thuận thế chấp Giấy chứng nhận này cho ông H để bà Ka H1 vay tiền.

Nay ông H yêu cầu bà Ka H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn H số tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 12/2/2017 đến ngày 13/3/2017 theo mức lãi suất 1,5%/tháng thành tiền 1.050.000đ, lãi quá hạn từ 14/3/2017 đến 05/11/2018 theo mức lãi suất 2,25%/tháng là 30.870.000đ; nếu bà Ka H1 không thanh toán thì bà Ka D phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Ka H1; yêu cầu giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016 để đảm bảo thi hành án thì bà Ka D không đồng ý vì bà Ka D không biết chữ, khi ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 13/2/2017 bà Ka D không biết nội dung, việc bà Ka D cam kết bảo lãnh cho bà Ka H1 và giao cho ông H 01 Giấy chứng nhận nói trên nhưng không công chứng, chứng thực là vi phạm, là vô hiệu nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ. Đề nghị ông Phạm Văn H trả lại cho bà Ka D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 38/2018/DS-ST ngày 05/11/2018; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H. Buộc bà Ka H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn H số tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 31.920.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 101.920.000đ. Trường hợp bà Ka H1 không thi hành án trả khoản tiền trên thì bà Ka D có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 31.920.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 101.920.000đ cho ông Phạm Văn H.

Buộc ông Phạm Văn H trả lại cho bà Ka D 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 09/11/2018 bà Ka D kháng cáo không đồng ý trả số tiền 101.920.000đ cho ông Phạm Văn H vì cho rằng bà không vay số tiền này.

Tại phiên tòa,

Ông Lê Cao T, người đại diện theo ủy quyền của bà Ka D, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ka D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữ ông Phạm Văn H và bà Ka H1 có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, tại giấy vay nợ có thể hiện bà Ka D đứng ra bảo lãnh cho khoản vay nói trên bằng việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Ka D. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà Ka H1 không trả nợ gốc và lãi ông H dù bên cho vay đã yêu cầu rất nhiều lần, nay ông H có đơn khởi kiện yêu cầu bà Ka H1 và bà Ka D phải có trách nhiệm trả số nợ đã vay. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"* là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Ka H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo thủ tục chung.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay tiền giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo hồ sơ thể hiện thì cùng với việc bà Ka H1 vay tiền của ông H, bà Ka D đứng ra cam kết với ông H sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bà Ka H1 nếu đến thời hạn trả nợ mà bà Ka H1 không trả nợ. Bên vay đã thế chấp cho ông H một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016 để đảm bảo cho khoản vay nói trên của bà Ka H1. Do khi đến hạn trả nợ bên vay không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại tiền đã vay là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bà Ka D thì thấy rằng: theo hồ sơ thể hiện thì bà Ka D thừa nhận có ký vào Hợp đồng vay tiền ngày13/02/2017 với tư cách là người bảo lãnh nhưng bà cho rằng bản thân không biết chữ nên không biết nội dung

ghi trong hợp đồng vay tiền là gì. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 25/8/2018 của bà Ka D do em rể là ông HHT viết thay có chữ ký ghi họ tên của bà Ka D thì bà Ka D trình bày bà ký vào hợp đồng vay tiền là do ông H viết sẵn và bắt bà ký và ông H còn dọa nếu không ký sẽ đưa sổ đỏ cho giang hồ cầm nhưng bà Ka D không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc bà bị ông H ép buộc, ông H lại không thừa nhận. Như vậy việc bà Ka H1 vay tiền của ông H và bà Ka D cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho bà Ka H1 bằng việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 469777 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016 là có xảy ra trong thực tế.

Xét thấy việc các bên thực hiện việc thế chấp để bảo đảm cho khoản vay giữa ông H và bà Ka H1 là không tuân theo quy định của pháp luật về thế chấp tài sản là bất động sản, việc thế chấp vừa nêu không được công chứng, chứng thực và đăng ký theo quy định nên vô hiệu toàn bộ, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người nhận bảo lãnh bằng tài sản thế chấp đối với bên được bảo lãnh; cấp sơ thẩm buộc bà Ka H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H và tuyên buộc ông H phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Ka D là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại tuyên "Trường hợp bà Ka H1 không thi hành án trả khoản tiền trên thì bà Ka D có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 31.920.000đ" cho ông H là không có căn cứ vì việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng tài sản là bất động sản của bà Ka D đối với bà Ka H1 vô hiệu ngay từ đầu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà Ka D với bà Ka H1 và ông H.

[5] Về lãi suất: số tiền lãi mà bà Ka H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông H từ ngày 13/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/11/2018) là 32.077.500đ, cấp sơ thẩm chỉ buộc bà Ka H1 phải chịu tiền lãi là 31.920.000đ là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, tuy nhiên do nguyên đơn không có đơn kháng cáo nên không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của bà Ka D, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà Ka H1 phải trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho ông H và buộc ông H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Ka D là phù hợp.

[7] Về án phí: bà Ka H1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Ka D không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 122, 129, 298, 317, 335, 336, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Ka D, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản" với bà Ka H1.

Buộc bà Ka H1 có nghĩa vụ trả cho cho ông Phạm Văn H số tiền 101.920.000đ (một trăm lẻ một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 31.920.000đ (ba mươi mốt triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc bà Ka D phải có trách nhiệm trả nợ cho ông H trong trường hợp bà Ka H1 không trả được nợ.

3. Buộc ông Phạm Văn H phải trả lại cho bà Ka D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD469777 đứng tên bà Ka D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/7/2016 (bản chính).

4. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Buộc bà Ka H1 phải chịu 5.096.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn H được nhận lại số tiền 2.232.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003265 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

+ Án phí phúc thẩm: Bà Ka D được nhận lại số tiền 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009335 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch